

NỀN TÀI CHÍNH TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

SUNANDA SEN^(*). *La finance chinoise après l'OMC. Revue Tiers-Monde*, No 2, Avril- Juin 2006, p.377-398.

ĐỖ SÁNG
lược thuật

Khảo sát tình hình tài chính Trung Quốc sau khi nước này gia nhập WTO, tác giả xem xét những cải cách của Trung Quốc trong lĩnh vực tài chính và tương lai của nó trong bối cảnh Trung Quốc hội nhập vào nền tài chính toàn cầu. Tác giả chứng minh rằng ngay trong lòng WTO, Nhà nước Trung Quốc cũng loại trừ được hoạt động đầu cơ do chỗ họ đã làm chủ được những tài khoản chủ yếu và có sự điều hành chặt chẽ, kiểm soát được khu vực tài chính. Chủ nghĩa tư bản nhà nước Trung Quốc đã thành công lớn khi gắn tài chính với công nghiệp và tránh được những rủi ro gây ra bởi những tư bản đào thoát (capitiaux volatils) và đặc biệt là biết hội nhập vào thị trường thế giới theo những điều kiện riêng của mình. Tuy nhiên điểm yếu kém của họ là phân phối nội bộ; từ đó những bất bình đẳng và bất mãn ngày càng tăng lên trong nhân dân Trung Quốc.

1. Thể chế tài chính của Trung Quốc: các thiết chế

- Theo tác giả, hiện nay Trung Quốc cung cấp cho chúng ta một mô hình duy nhất (trong tất cả các nền kinh tế đang chuyển đổi) về quản lý tài chính trong những điều kiện của “một thị trường tài chính bị chỉ huy” (marché financier dirigé).

Xem xét các thiết chế tài chính của Trung Quốc, tổ chức và hoạt động của chúng đủ cho thấy được điều này.

- Trước hết là *hệ thống ngân hàng*. ở Trung Quốc các ngân hàng là nhà trung gian tài chính chủ yếu, nó xử lý

ít nhất 80% các dịch vụ tài chính. Bốn ngân hàng quốc doanh là những người gác cổng chính của hệ thống tài chính Trung Quốc và quản lý hơn 70%^(*) tổng số tiền ký gửi và cho vay; phần lớn số tiền này được đầu tư vào công nghiệp, còn nông nghiệp chỉ được 5,79%. Có rất ít ngân hàng có thể phát hành chứng khoán và không một ngân hàng nào được phép đầu tư ở Sở giao dịch chứng khoán. Các ngân hàng Trung Quốc ở nông thôn có vai trò rất hạn chế.

^(*) Giáo sư thỉnh giảng, Viện Hàn lâm nghiên cứu Thế giới Thứ Ba, New Delhi.

Ngân hàng nông nghiệp Trung Quốc chỉ thực hiện khoảng 10% dịch vụ cho vay nhỏ. Còn các ngân hàng nước ngoài thì phải chịu rất nhiều hạn chế, chẳng hạn như bị cấm kinh doanh bằng đồng Nhân dân tệ. Là một ngân hàng trung tâm của đất nước, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (la Banque populaire de Chine) làm nhiệm vụ quản lý những tỉ giá trao đổi và thanh toán quốc tế, đồng thời xây dựng chính sách tiền tệ của Trung Quốc.

- Mọi ngân hàng hoạt động ở Trung Quốc đều đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Hội đồng Nhà nước bằng những chỉ thị "hướng dẫn" các dịch vụ tín dụng phục vụ những ngành công nghiệp mà Nhà nước cho là cần thiết. Các quyết định cho vay của ngân hàng đều phải xin ý kiến chính quyền. Những ngân hàng quốc doanh được một Văn phòng giám sát nhà nước thanh tra theo định kỳ.

- Về *khu vực chứng khoán*, tác giả chỉ rõ khu vực này vẫn còn đang ở tình trạng sơ khai, còn ít hoạt động và chỉ được sử dụng như một nguồn tài trợ thay thế đối với các doanh nghiệp. Các xí nghiệp quốc doanh có thể đến Sở giao dịch, song họ thường ưa thích đến ngân hàng để tìm nguồn vốn. Năm 2001 các xí nghiệp này kiếm được 14 tỷ USD bằng phát hành chứng khoán, trong khi họ vay ngân hàng được hơn 157 tỷ USD. Việc mở thêm hai sàn giao dịch chứng khoán ở Thượng Hải và Thẩm Quyển cũng không nâng cao được vốn huy động cho các doanh nghiệp: năm 2002 thị trường chứng khoán chỉ cung ứng được khoảng 5% các khoản tài trợ chính thức cho các doanh nghiệp. Hai sàn giao dịch mới mở, thì gồm có hai loại cổ phần - cổ phần A (bằng đồng Nhân dân tệ) và cổ phần B (bằng đồng Đô la); và các nhà đầu tư nước ngoài

chỉ được phép gia nhập thị trường này dưới hình thức liên doanh và chỉ được phép nắm nhiều nhất 20% cổ phần của một công ty liên doanh. Chỉ có 5 ngân hàng được phép lên sàn và cổ phần của nó chỉ được bán cho người Trung Quốc và một số đơn vị đầu tư nước ngoài được chỉ định đích danh (khoảng 12 đơn vị) bởi Ủy ban điều hành chứng khoán Trung Quốc, và cũng chỉ được mua bán cổ phiếu loại B.

- Theo tác giả, *những cải cách thể chế tài chính Trung Quốc* là nhằm xoá bỏ những tài khoản bất minh của các ngân hàng quốc doanh, qua đó giúp các ngân hàng này có một nền tảng tài chính vững chắc để chúng có thể phát hành chứng khoán và phù hợp với những tiêu chuẩn của Hiệp ước Bâle (normes de l'Accord de Bâle). Cải cách còn nhằm hoàn thiện những quy tắc về công khai và minh bạch.

Những cải cách này đã dẫn đến tách biệt hoàn toàn các chức năng điều hành của khu vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm kể từ tháng 4/2003. Từ đó Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc không làm nhiệm vụ giám sát nữa, và những nhiệm vụ này được giao cho Ủy ban điều hành ngân hàng Trung Quốc, Ủy ban điều hành chứng khoán Trung Quốc và Ủy ban điều hành bảo hiểm Trung Quốc. Từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, các ngân hàng nước ngoài tại Trung Quốc cũng được quyền hoạt động bình đẳng như các ngân hàng Trung Quốc.

2. Hiệu quả của chính sách tài chính Trung Quốc

Tác giả cho rằng, Nhà nước Trung Quốc, cho đến lúc này, đã thành công trong việc kiềm chế sự phát triển của tệ đầu cơ tài chính ở Trung Quốc bằng cách hướng mọi nguồn vốn vào phục vụ sản xuất và đem lại lợi nhuận lớn nhất cho tư bản công nghiệp, vì tư bản

đầu cơ không thể có chỗ đứng trước hiện tượng bùng nổ kinh tế hiện nay của Trung Quốc. Tuy nhiên, tác giả cũng băn khoăn rằng có thể Trung Quốc sẽ phải đối mặt với nhiều trở ngại lớn khi buộc phải thực hiện những cam kết của một thành viên WTO, đặc biệt trong lĩnh vực tự do hoá tài chính. Việc ngành tài chính giữ vai trò phụ trợ cho ngành công nghiệp cũng có thể sinh ra hiện tượng vận động hành lang, trong đó lợi ích chung của hai lĩnh vực này gắn với nhau nhằm đòi hỏi phải tiếp tục những đường lối chính sách kinh tế hiện nay.

- Việc chỉ nâng giá tí chút đồng Nhân dân tệ trước sức ép liên tục của Mỹ đòi nâng giá mạnh so với đồng Đô la Mỹ chứng tỏ Trung Quốc có đủ khả năng chèo lái nền tài chính của mình kể cả tỷ giá trao đổi của đồng tiền. Ở đây thể hiện rất rõ đường lối độc lập của Trung Quốc trong quá trình mở cửa.

Ngày 21/7/2005 Trung Quốc nâng giá 2,2% đồng Nhân dân tệ, chấm dứt một thập kỷ ổn định tỷ giá đồng Nhân dân tệ so với đồng Đô la Mỹ và thay thế nó bằng một tỷ giá trung bình cân bằng giữa một nhóm 4 đồng tiền ngoại hối: đồng Euro, đồng Yên, đồng Đô la Mỹ và đồng Won (Hàn Quốc). Không khuất phục trước sức ép liên tục của nước ngoài, đặc biệt là Mỹ phê phán tỷ giá cố định của đồng Nhân dân tệ và đòi nâng giá một cách căn bản để cho Mỹ giảm thiểu thâm hụt hiện nay là 152 tỷ USD trong cán cân thương mại với Trung Quốc, cũng như trước khuyến nghị của Mendelson - Ủy viên Thương mại Liên minh châu Âu- rằng nên tạo ra một nhóm ngoại hối bao gồm cả đồng Bảng (Livre Sterling) của Anh, người Trung Quốc đã điều chỉnh tỷ giá đồng Nhân dân tệ theo một cách

phù hợp với điều kiện riêng của mình: họ chọn đồng Won, một đồng tiền châu Á để đưa vào nhóm 4 đồng tiền ngoại hối quan trọng, lý do là sự phụ thuộc ngày càng tăng của Trung Quốc vào châu Á về nhập khẩu nguyên liệu và những sản phẩm trung gian, cũng như vào Hong Kong và Hàn Quốc là nước đầu tư hàng đầu vào Trung Quốc. Thủ tướng Trung Quốc tuyên bố khi gặp đoàn đại biểu Phòng Thương mại Mỹ rằng nước ông sẽ không bao giờ nhượng bộ trước sức ép của nước ngoài và những mưu mô đầu cơ trên tỷ giá đồng Nhân dân tệ, và “đó là một vấn đề thuộc chủ quyền quốc gia của Trung Quốc”.

- Tình hình đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Trung Quốc là rất khả quan, và gia tăng rất nhanh từ năm này sang năm khác. Hiện nay tổng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã vượt quá 50 tỷ USD. Trung Quốc đã trở thành địa chỉ thứ nhất của đầu tư, và vượt mọi kỷ lục trước đây về đầu tư trực tiếp từ nước ngoài ở khu vực Đông Á hoặc Đông Nam Á. Sở dĩ đạt được thành tựu trên, là do Trung Quốc đã biết tạo ra những điều kiện thuận lợi cho đầu tư, đó là tiền lương thấp (chỉ bằng 1/3 ở Mexico và 1/15 ở Mỹ), nhân dân có trình độ văn hoá (tỷ lệ biết chữ là 84,5% từ 15 năm trước) và có nghị lực cao; những sáng kiến của Nhà nước về cơ sở hạ tầng và năng lượng cũng như trong phát triển công nghệ, văn hoá, chính trị biết kết hợp một nhà nước độc tài và kinh tế thị trường - một nhân tố mang đậm tính kỷ luật cả trên thị trường lao động lẫn thị trường vốn; một đồng tiền được quản lý tốt và ổn định ngay cả trước sức ép mạnh mẽ của phương Tây, đặc biệt là của Mỹ; và cuối cùng là những điều kiện thuận lợi cho đầu tư xét về cơ sở hạ tầng và mối lợi thuế quan.

Đặc biệt hơn nữa là Trung Quốc biết phát huy lòng yêu nước của Hoa Kiều trở về đóng góp xây dựng đất nước cùng với những khuyến khích ưu đãi kinh tế của Nhà nước. Một số nhà đầu tư Đài Loan không được phép kinh doanh trên nội địa Trung Quốc, thì họ đã xây dựng công ty ở Hong Kong dùng làm cầu nối để đi vào nội địa; thậm chí một số công ty Trung Quốc đi đường vòng- họ chuyển trụ sở ra nước ngoài trở thành công ty đa quốc gia, rồi quay trở lại đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc để được hưởng những ưu đãi của Nhà nước.

- Trung Quốc có một lượng dự trữ ngoại hối khổng lồ, hiện lên đến 400 tỷ USD. Cán cân thanh toán của Trung Quốc tỏ rõ sức đề kháng mạnh mẽ cả đối với làn sóng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài lẫn những thặng dư thương mại gia tăng. Về trao đổi hàng hoá, mức cân đối này đã tăng gấp 10 lần trong một thập kỷ từ 1992 đến 2002, là thời điểm số thặng dư hàng năm lên tới 44,1 tỷ USD. Cũng vào năm 2002, sự tích lũy Đô la dự trữ đã tăng nhanh lên tới 75,21 tỷ USD.

Tác giả cũng lưu ý rằng bức tranh vẽ ra ở trên dường như hạ thấp vai trò nhỏ bé của xuất khẩu tư bản Trung Quốc - vào năm 2002 khoảng 12,09 tỷ USD. Song với lượng dự trữ ngoại tệ lớn trong tay, Trung Quốc thực tế đang đầu tư những khoản tiền lớn ra nước ngoài.

- Với đường lối kinh tế và chính sách tài chính như vậy nên Trung Quốc đã đạt được những thành tựu kinh tế thần kỳ - tỷ lệ tăng trưởng trên dưới 9% suốt từ năm 1978 đến nay. Trung Quốc trở thành nước đứng thứ hai về tiêu thụ dầu lửa, nhôm và chì; thứ ba về tiêu thụ kền và đứng đầu về tiêu thụ thép trên thế giới.

- Tuy nhiên, gần đây nền kinh tế

Trung Quốc đã có những dấu hiệu phát triển quá nóng. Do đó Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc buộc phải tìm ra nhiều biện pháp khác nữa (chẳng hạn như nâng cao tỷ lệ lãi suất) để kiểm soát nguồn cung tín dụng trong kinh tế, nhờ đó khối lượng tiền tệ vào cuối tháng 8/2004 là 13,6% cả năm, so với 16,2% vào cuối tháng 6/2004. Sự đầu tư quá nóng vào một số lĩnh vực công nghiệp đã dẫn đến sản xuất dư thừa, nhất là ở các ngành thép, nhôm, xi măng, do đó Nhà nước đã phải thi hành các biện pháp hạn chế cung tín dụng trong những lĩnh vực này. Và những biện pháp như thế cũng làm giảm bớt sự tăng trưởng kinh tế.

Một cách khái quát là, nhà cầm quyền Trung Quốc dường như nắm chắc được cơ cấu điều khiển nền kinh tế và làm chủ tính tiềm ẩn lạm phát của việc tăng dự trữ kiều hối trong một nền kinh tế tăng trưởng mạnh.

- Do hội nhập vào kinh tế thế giới, nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc còn tìm thấy nguồn tăng trưởng từ bên ngoài thông qua xuất khẩu hàng hoá với giá cực thấp. Tuy nhiên, tác giả vẫn khẳng định tăng trưởng của Trung Quốc không phải là một trường hợp điển hình của tăng trưởng bằng xuất khẩu như một số nước khác ở châu Á, mà Trung Quốc là một mô hình công nghiệp hóa dưới sự điều hành của Nhà nước đi đôi với sự mở cửa cho những thị trường rộng lớn cả trong nước lẫn ở ngoại quốc.

3. Kết luận

Cuối cùng, tác giả kết luận bài viết bằng lời bình về con đường “phát triển” của Trung Quốc như một quan niệm riêng của ông về “những thành tựu tăng trưởng”, đó là “Trung Quốc hiện nay đang ở trong tình thế tiến thoái lưỡng nan điển hình của một sự tăng

trưởng mà không có phát triển (croissance sans développement) - một điều thật bất hạnh nếu so sánh với di sản xã hội chủ nghĩa của quá khứ”.

Sở dĩ như thế là bởi vì chính sách điều hành tài chính nhằm thoả mãn nhu cầu phát triển công nghiệp dù đã giúp Trung Quốc đạt được sự tăng trưởng kỷ lục về GDP, song thành công này lại không tương hợp với sự thất bại của chủ nghĩa tư bản nhà nước Trung Quốc trong việc xử lý những bất bình đẳng ngày càng tăng mà người dân nông thôn hoặc dân nghèo thành thị phải chịu đựng. Ở nông thôn, nơi 2/3 dân số Trung Quốc sinh sống thì chỉ có 360 triệu người có việc làm trong nông nghiệp cổ truyền. Theo những tính toán không chính thức, thì 210 triệu người trong số họ có thể xem là “dư thừa” và nếu đưa ra khỏi nông thôn thì

cũng không ảnh hưởng gì đến sản xuất nông nghiệp hiện nay. Những bất bình đẳng là hiển nhiên về thu nhập theo đầu người giữa thành thị và nông thôn - thu nhập trung bình theo đầu người ở nông thôn khoảng 2254 Nhân dân tệ, chỉ bằng 1/3 thu nhập của thành phố. Giá nông sản và năng suất đều thấp làm nản lòng nông dân, dẫn đến số đông nông dân bỏ ruộng đất chạy ra thành thị tạo thành một dân số “trôi nổi” (population flottante) - không việc làm, không nơi cư trú ổn định, thậm chí không chứng minh thư - ở các đô thị, có đến khoảng 80 triệu người. An sinh xã hội trên thực tế là không có đối với những công dân này.

Trong bài viết tác giả đã hai lần nhấn mạnh: “nền kinh tế Trung Quốc hiện nay là một mô hình thật đáng tranh luận và phân tích”.

(tiếp theo trang 62)

Chương II phân tích các phương pháp nghiên cứu và phân tích luật viết như: phương pháp truyền thống, phương pháp phân tích phát triển, phương pháp phân tích lịch sử...

Chương III giới thiệu việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu và phân tích luật viết vào việc phân tích luật

viết theo tình huống và phân tích luật viết theo chủ đề.

Chương IV giới thiệu kết quả nghiên cứu và phân tích luật viết về phương diện khoa học - học thuyết pháp lý.

Cuối sách là danh mục tài liệu tham khảo.

HOÀNG MINH